

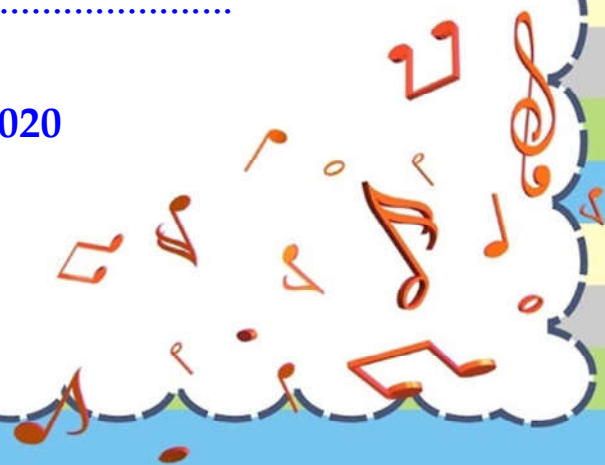


HÌNH HỌC 7

Chương 1: Đường thẳng vuông góc & Đường thẳng song song

Họ và tên:

Năm học: 2019 – 2020



①. HAI GÓC ĐỐI ĐỈNH

I. KIẾN THỨC CƠ BẢN

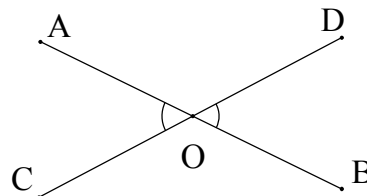
1. Định nghĩa: Hai góc đối đỉnh là hai góc mà mỗi cạnh của góc này là tia đối của một cạnh góc kia.

2. Tính chất: Hai góc đối đỉnh thì bằng nhau

$\widehat{AOC}$ và $\widehat{BOD}$ đối đỉnh $\Rightarrow \widehat{AOC} = \widehat{BOD}$

Chú ý:

- Mỗi góc chỉ có một góc đối đỉnh với nó.
- Hai góc bằng nhau chưa chắc đã đối đỉnh.



II. BÀI TẬP

Bài 1: Xem hình a, b, c, d, e . Hỏi

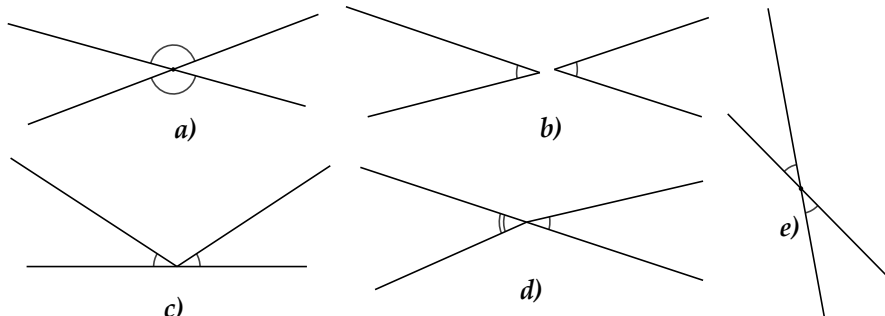
cặp góc nào đối đỉnh? Cặp góc nào không đối đỉnh?

Cặp góc đối đỉnh:

.....

Cặp góc không đối đỉnh:

.....



Bài 2: a) Vẽ góc $aOb = 80^\circ$

b) Vẽ $a'Ob'$ đối đỉnh với góc aOb (Oa và Oa' đối nhau)

c) Vẽ tia Om là phân giác của góc aOb

d) Vẽ tia đối Om' của tia Om . Vì sao Om' là tia phân giác của góc $a'Ob'$?

e) Viết tên các cặp góc đối đỉnh?

f) Viết tên các cặp góc nhọn bằng nhau mà không đối đỉnh?

Bài 3: Đường thẳng xx' cắt yy' tại O . Vẽ tia phân giác Ot của xOy .

a) Gọi Ot' là tia đối của tia Ot . So sánh $\widehat{xOt'}$ và $\widehat{t'Oy}$?

b) Vẽ tia phân giác Om của $x'Oy$. Tính góc mOt .

Bài 4: Hai đường thẳng AB và CD cắt nhau tại O . Biết $\widehat{AOC} - \widehat{AOD} = 20^\circ$. Tính mỗi góc $\widehat{AOC}$, $\widehat{COB}$, $\widehat{BOD}$, $\widehat{DOA}$.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Bài 5: Hai đường thẳng AB và CD cắt nhau tại O sao cho $\widehat{AOC} = 60^\circ$.

a) Tính số đo các góc còn lại;

b) Vẽ tia Ot là phân giác của $\widehat{AOC}$ và Ot' là tia đối của tia Ot . Chứng minh Ot' là tia phân giác của $\widehat{BOD}$.

.....

.....

.....

.....

.....

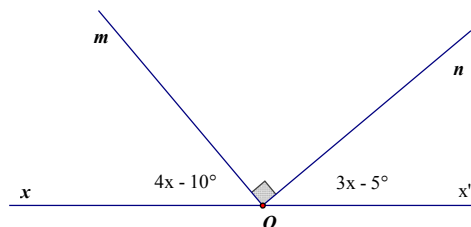
.....

.....

Bài 6: Trong hình vẽ bên, $O \in xx'$

a) Tính $\widehat{xOm}$ và $\widehat{nOx'}$

b) Vẽ tia Ot sao cho $\widehat{xOt}$, $\widehat{nOx'}$ là hai góc đối đỉnh. Trên nửa mặt phẳng bờ xx' chứa tia Ot , vẽ tia Oy sao cho $\widehat{tOy} = 90^\circ$. Hai góc mOn và tOy là hai góc đối đỉnh không? Giải thích?



.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Bài 7: Cho điểm O nằm trên đường thẳng AB . Vẽ trên cùng một nửa mặt phẳng bờ AB các tia OC , OD sao cho $\widehat{AOC} = \widehat{BOD} = 30^\circ$. Gọi OE là tia đối của tia OD . Tia OA là tia phân giác của góc nào?

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

②. HAI GÓC ĐỐI ĐỈNH

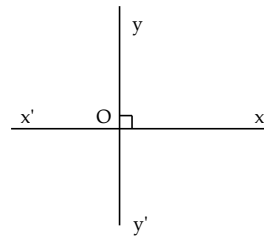
I. KIẾN THỨC CƠ BẢN

1. Định nghĩa: Hai đường thẳng vuông góc là hai đường thẳng cắt nhau và một trong các góc tạo thành là góc vuông

$$xx' \perp yy' \text{ (tại } O) \Leftrightarrow \widehat{xOy} = 90^\circ$$

Lưu ý: Các phát biểu sau là tương đương:

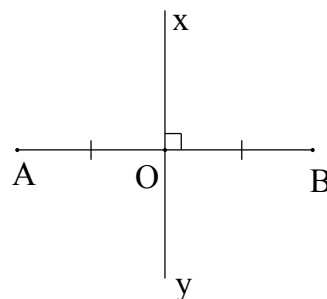
- Đường thẳng AB và xy vuông góc với nhau tại O .
- Đường thẳng xy và đường thẳng AB vuông góc với nhau tại O .
- Hai đường thẳng xy và AB vuông góc với nhau tại O .



2. Tính duy nhất của đường vuông góc: Qua một điểm cho trước, có một và chỉ một đường thẳng vuông góc với một đường thẳng cho trước

3. Đường trung trực của đoạn thẳng: Đường trung trực của một đoạn thẳng là đường thẳng vuông góc với đoạn thẳng đó tại trung điểm của nó. Nó là đường trung trực của AB

$$\begin{cases} xy \cap AB = \{O\} \\ AO = OB \\ xy \perp AB \end{cases}$$



Lưu ý: $xy \cap AB = \{O\}$ có nghĩa là xy cắt AB tại O .

II. BÀI TẬP

Bài 1: Vẽ góc xOy có số đo bằng 60° . Lấy điểm A trên tia Ox rồi vẽ đường thẳng a vuông góc với tia Ox tại A . Lấy điểm B trên tia Oy rồi vẽ đường thẳng b vuông góc với tia Oy tại B . Gọi giao điểm của a và b là C . Vẽ đường trung trực của đoạn thẳng OC .

Bài 2: Vẽ đoạn thẳng $AB = 4cm$, đoạn thẳng $BC = 6cm$. Vẽ đường trung trực của các đoạn thẳng AB , BC , CA trong các trường hợp:

- A, B, C là ba đỉnh của một tam giác.
- Điểm B nằm giữa A, C .

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Bài 3: Cho $\widehat{xOy} = 120^\circ$. Vẽ các tia Oz và Ot nằm trong $\widehat{xOy}$ sao cho Oz vuông góc với Ox và Ot vuông góc với Oy .

a) Tính số đo góc zOt ;

b) Gọi Om và On lần lượt là hai tia phân giác của hai góc $\widehat{xOt}$ và $\widehat{yOz}$. Chứng minh tia $Om \perp On$.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Bài 4: Cho $\widehat{AOB} = 50^\circ$. Gọi OC là tia phân giác của $\widehat{AOB}$. Vẽ tia OE là tia đối của tia OA , vẽ tia OD vuông góc với OC (tia OD nằm trong góc $\widehat{BOE}$). Hãy chứng tỏ rằng OD là tia phân giác của $\widehat{BOE}$.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Bài 5: Cho góc AOB bằng 130° . Trong góc AOB vẽ các tia OC , OD sao cho $OC \perp OA$, $OD \perp OB$. Tính $\widehat{COD}$.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

a) Chứng minh $\widehat{xOv} = \widehat{tOy}$

b) Chứng minh hai góc xOy và tOv bù nhau.

c) Gọi Om là tia phân giác của góc xOy . Chứng minh Om là tia phân giác của góc tOv .

This image shows a full page of white paper with horizontal dashed lines, typical of primary school handwriting practice paper. The lines are evenly spaced and run across the width of the page. There are no margins, text, or other markings on the paper.

Bài 7: a) Cho góc xOy . Vẽ góc $x'Oy'$ là góc đối đỉnh của góc xOy ($\widehat{xOy} < 180^\circ$).

b) Gọi Ot , Ot' , Oz lần lượt là tia phân giác của góc xOy , $x'Oy'$, xOy' . Tính $\widehat{tOz}$ và $\widehat{tOt'}$

c) Vẽ tia Oz' sao cho hai góc xOz và $x'Oz'$ đối đỉnh. Oz' có phải là tia phân giác của góc $x'Oy$ không? Giải thích.

This image shows a full page of primary-ruled paper. It features ten sets of horizontal lines, each consisting of a solid top line, a dashed middle line, and a solid bottom line, providing a guide for letter height and placement. The paper is otherwise blank, with no text or markings.

③. CÁC GÓC TẠO BỞI MỘT ĐƯỜNG THẲNG CẮT HAI ĐƯỜNG THẲNG

I. KIẾN THỨC CƠ BẢN

1. Định nghĩa: Hai đường thẳng vuông góc là hai đường thẳng cắt nhau và một trong các góc tạo thành là góc vuông.

2. Hai cặp góc so le trong : $\widehat{A_4}$ và $\widehat{B_2}$; $\widehat{A_1}$ và $\widehat{B_3}$.

3. Bốn cặp góc đồng vị :

$\widehat{A_2}$ và $\widehat{B_2}$; $\widehat{A_3}$ và $\widehat{B_3}$;

$\widehat{A_1}$ và $\widehat{B_1}$; $\widehat{A_4}$ và $\widehat{B_4}$

4. Hai cặp góc trong cùng phía :

$\widehat{A_1}$ và $\widehat{B_2}$; $\widehat{A_4}$ và $\widehat{B_3}$

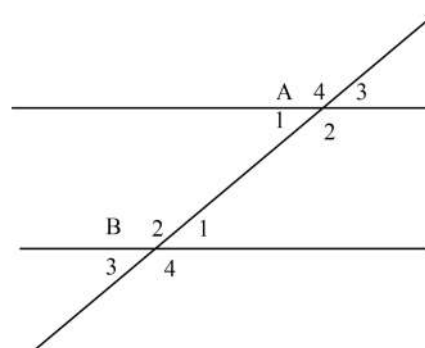
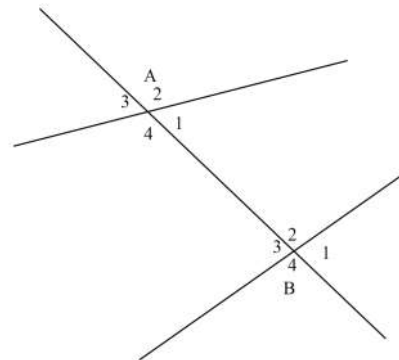
5. Quan hệ giữa các cặp góc: Nếu hai đường thẳng cắt một đường thẳng thứ ba và trong các góc tạo thành có một cặp góc so le trong bằng nhau thì :

- Hai góc so le trong còn lại bằng nhau.

- Hai góc đồng vị bằng nhau.

- Hai góc trong cùng phía bù nhau.

$$\widehat{A_1} = \widehat{B_1} \Rightarrow \begin{cases} \widehat{A_2} = \widehat{B_2} \\ \widehat{A_3} = \widehat{B_3} \\ \widehat{A_4} + \widehat{B_4} = 180^\circ \end{cases}$$



II. BÀI TẬP

Bài 1: Xem hình vẽ bên rồi điền tên cặp góc cho đúng:

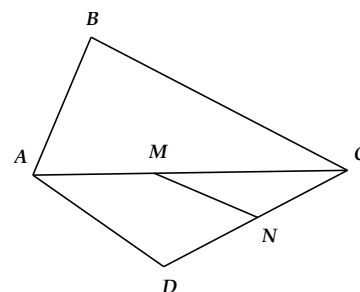
a) $\widehat{ABC}$ và $\widehat{BCD}$ là hai góc

b) $\widehat{CMN}$ và $\widehat{CAD}$ là hai góc

c) $\widehat{CMN}$ và $\widehat{DNM}$ là hai góc

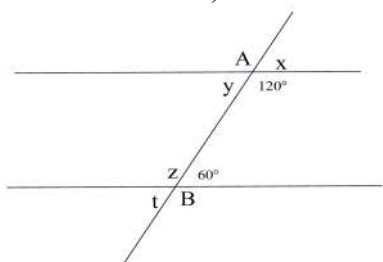
d) $\widehat{DAC}$ và $\widehat{ACB}$ là một cặp góc

e) $\widehat{CBA}$ và $\widehat{DAB}$ là một cặp góc

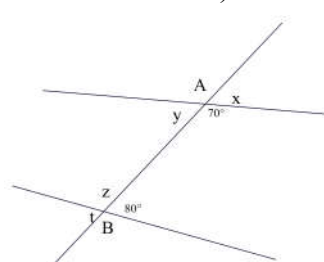


Bài 2: Tính các giá trị x, y, z, t trên mỗi hình sau:

a)



b)



.....

.....

.....

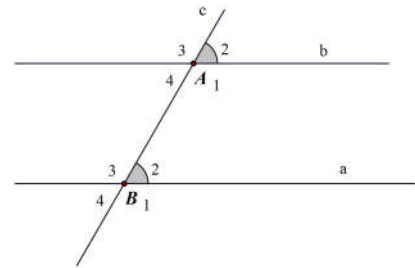
.....

.....

.....

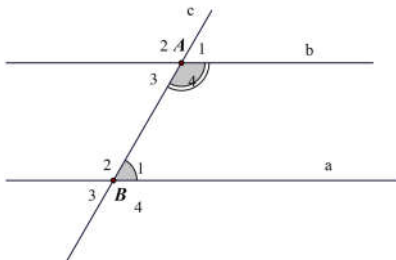
Bài 3: Với hình vẽ bên cho biết $\widehat{A_2} = \widehat{B_2}$. Chứng minh rằng

- a) $\widehat{A_4} = \widehat{B_2}$; $\widehat{A_1} = \widehat{B_3}$
 b) $\widehat{A_3} = \widehat{B_3}$; $\widehat{A_1} = \widehat{B_1}$; $\widehat{A_4} = \widehat{B_4}$
 c) $\widehat{A_1} + \widehat{B_2} = 180^\circ$; $\widehat{A_4} + \widehat{B_3} = 180^\circ$



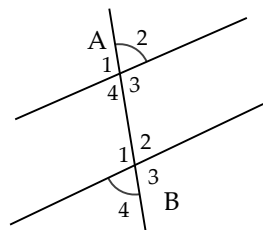
Bài 4: Cho đường thẳng c cắt hai đường thẳng a ; b tại hai điểm A và B tạo thành cặp góc trong cùng phía bù nhau. Chứng minh rằng:

- a) 2 góc so le trong (trong mỗi cặp) bằng nhau
 b) 2 góc đồng vị (trong mỗi cặp) bằng nhau
 c) 2 góc trong cùng phía còn lại bù nhau.



Bài 5: Cho hình vẽ. Tính các góc còn lại.

Biết $\widehat{A_2} = \widehat{B_4} = 75^\circ$.



.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

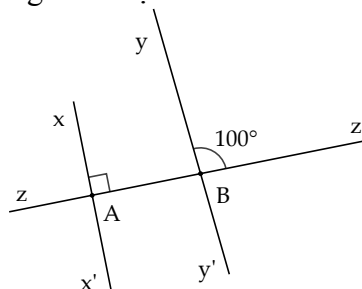
.....

.....

Bài 6: Cho hình vẽ.

a) Kể tên các cặp góc so le trong, các cặp góc đồng vị và các cặp góc trong cùng phía.

b) Tính các góc còn lại.



.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

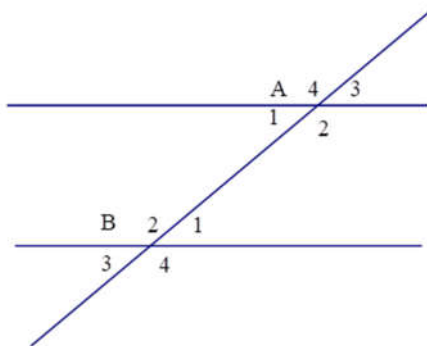
.....

.....

④. HAI ĐƯỜNG THẲNG SONG SONG

I. KIẾN THỨC CƠ BẢN

1. Định nghĩa : Hai đường thẳng song song (trong mặt phẳng) là hai đường thẳng không có điểm chung .

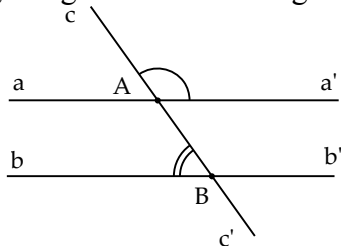


2. Dấu hiệu nhận biết hai đường thẳng song song: Nếu đường thẳng c cắt hai đường thẳng a, b và trong các góc tạo thành có một cặp góc so le trong bằng nhau (hoặc một cặp góc đồng vị bằng nhau) thì a và b song song với nhau.

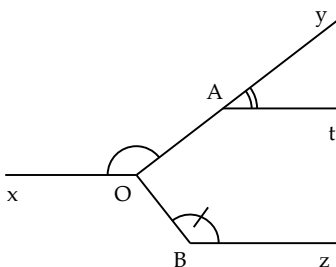
- $\widehat{A_1} = \widehat{B_1} \Rightarrow a // b$
- $\widehat{A_3} = \widehat{B_3} \Rightarrow a // b$
- $\widehat{A_2} + \widehat{B_1} = 180^\circ \Rightarrow a // b$
- Hai đường thẳng phân biệt cùng song song với đường thẳng thứ ba thì chúng song song.

II. BÀI TẬP

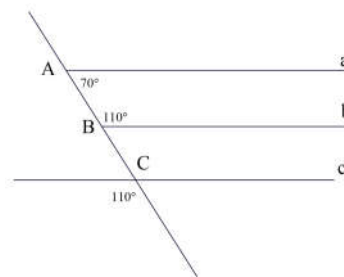
Bài 1: Cho hình vẽ bên biết $\widehat{cAa'} = 120^\circ$, $\widehat{ABb} = 60^\circ$.
Hai đường thẳng aa' và bb' có song không?



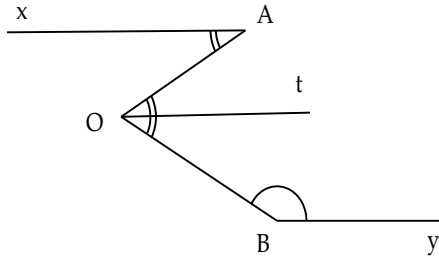
Bài 3: Cho hình vẽ bên biết $\widehat{yAt} = 40^\circ$, $\widehat{xOy} = 140^\circ$ và $\widehat{OBz} = 130^\circ$.
Chứng minh $At // Bz$.

**Bài 2:**

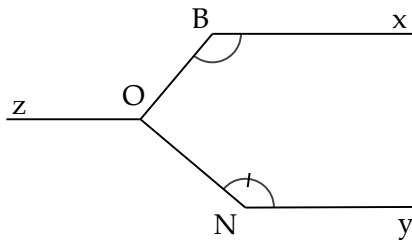
Tìm trên hình vẽ bên các cặp đường thẳng song song.



Bài 4: Cho hình vẽ bên biết $\widehat{OAx} = 30^\circ$,
 $\widehat{OBy} = 150^\circ$ và Ot là tia phân giác của
 $\widehat{AOB} = 60^\circ$. Chứng minh ba đường thẳng Ax , By
 và Ot đôi một song song



Bài 5: Cho $Bx \parallel Ny \parallel Oz$, $\widehat{OBx} = 130^\circ$ và
 $\widehat{ONy} = 140^\circ$. Tính $\widehat{BON}$.



Bài 6: Cho $\triangle DEF$ có $\widehat{D} = 60^\circ$; $\widehat{E} = 60^\circ$. Trên tia đối của tia DE lấy điểm G . Vẽ góc EGy so le
 trong với góc DEF và $\widehat{EGy} = 60^\circ$. Vẽ Dx là tia phân giác của $\widehat{GDF}$. Chứng minh:

- $Gy \parallel Dx$
- $Dx \parallel EF$

Bài 7: Cho $\widehat{xOy} = 50^\circ$. Lấy điểm A trên tia Ox . Trên cùng nửa mặt phẳng bờ Ox chứa tia Oy vẽ tia At sao cho cắt Oy tại B và $\widehat{OAt} = 80^\circ$. Gọi At' là tia phân giác của góc $\widehat{xAt}$.

a) Chứng minh $At' \parallel Oy$;

b) Trên nửa mặt phẳng không chứa điểm A bờ là đường thẳng Oy vẽ tia Bn sao cho $\widehat{OBn} = 50^\circ$. Chứng minh $Bn \parallel Ox$.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

⑤. TIỀN ĐỀ ƠCLIT VỀ ĐƯỜNG THẲNG SONG SONG

I. KIẾN THỨC CƠ BẢN

1. Tiên đề Ơ-clit về đường thẳng song song

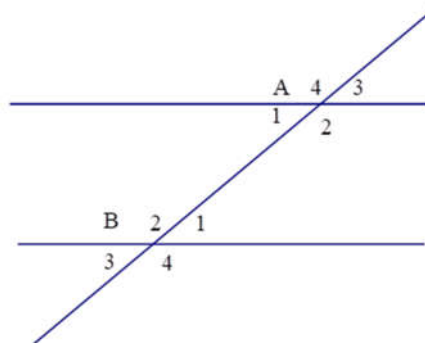
Qua một điểm nằm ngoài một đường thẳng, chỉ có một đường thẳng song song với đường thẳng đó.

2. Tính chất của hai đường thẳng song song

Nếu hai đường thẳng song song bị cắt bởi một đường thẳng thứ ba thì:

- Hai góc so le trong bằng nhau.
- Hai góc đồng vị bằng nhau.
- Hai góc trong cùng phía bù nhau.

$$a//b \Rightarrow \begin{cases} \hat{A}_1 = \hat{B}_1 \\ \hat{A}_3 = \hat{B}_1 \\ \hat{A}_2 + \hat{B}_1 = 180^\circ \end{cases}$$

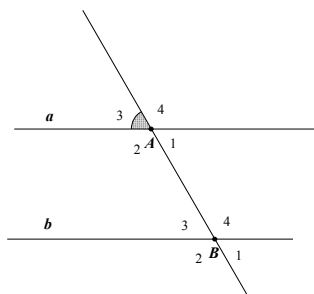


II. BÀI TẬP

Bài 1: Khoanh tròn vào phát biểu đúng trong các phát biểu sau :

- Qua điểm A nằm ngoài đường thẳng m , có một đường thẳng song song với m .
- Qua điểm A nằm ngoài đường thẳng m , chỉ có một đường thẳng song song với m .
- Qua điểm A nằm ngoài đường thẳng m , có duy nhất một đường thẳng song song với m .
- Qua điểm A nằm ngoài đường thẳng d , có hai đường thẳng phân biệt cùng song song với d .
- Nếu hai đường thẳng AB và AC cùng song song với đường thẳng d thì hai đường thẳng AB và AC trùng nhau.
- Nếu hai đường thẳng b và c cùng song song với đường thẳng a thì hai đường thẳng b và c trùng nhau.

Bài 2: Cho hình vẽ bên. Biết $a//b$ và $\hat{A}_3 = 60^\circ$. Tính số đo các góc còn lại trên hình.



.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Bài 3: Cho hình vẽ dưới đây với $a//b$.

Tìm số đo x và y

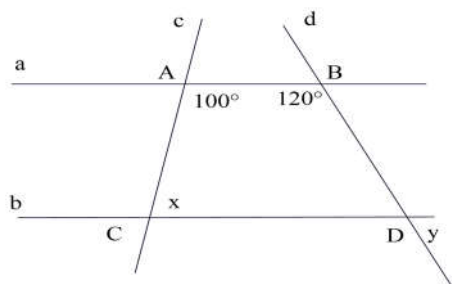
.....

.....

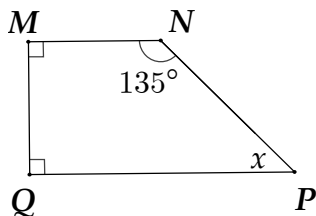
.....

.....

.....

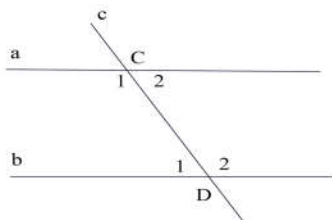


Bài 4: Tìm số đo x trong hình sau.

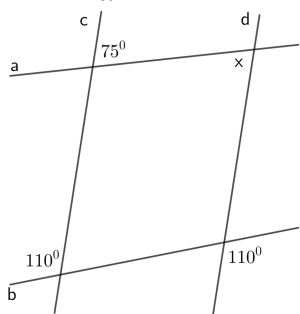


Bài 5: Cho hình vẽ dưới đây với $a // b$

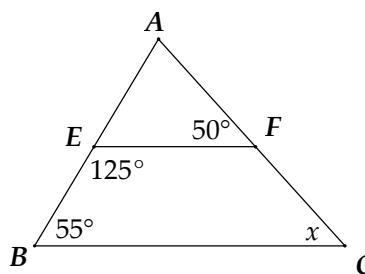
- a) Biết $\widehat{C}_1 - \widehat{C}_2 = 40^\circ$. Tính $\widehat{D}_1$ và $\widehat{D}_2$
 b) $\widehat{C}_1 - \widehat{D}_1 = 30^\circ$. Tính $\widehat{C}_2$ và $\widehat{D}_2$



Bài 6: Tìm số đo x trên hình dưới đây.



Bài 7: Tìm số đo x trong hình sau.



⑥. TỪ VUÔNG GÓC TỚI SONG SONG

I. KIẾN THỨC CƠ BẢN

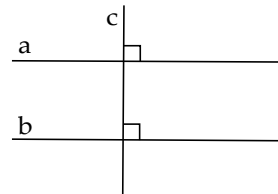
1. Quan hệ giữa tính vuông góc và tính song song của ba đường thẳng

- Nếu hai đường thẳng (phân biệt) cùng vuông góc với một đường thẳng thứ ba thì song song với nhau.

$$\left. \begin{array}{l} a \perp c \\ b \perp c \end{array} \right\} \Rightarrow a \parallel b$$

- Nếu một đường thẳng vuông góc với một trong hai đường thẳng song song thì nó cũng vuông góc với đường kia.

$$\left. \begin{array}{l} a \parallel b \\ c \perp a \end{array} \right\} \Rightarrow c \perp b$$

**2. Ba đường thẳng song song**

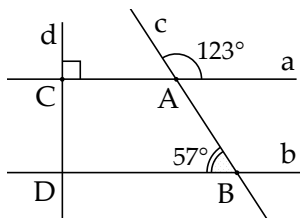
Hai đường thẳng (phân biệt) cùng song song với một đường thẳng thứ ba thì chúng song song với nhau.

$$\left. \begin{array}{l} a \parallel c \\ b \parallel c \end{array} \right\} \Rightarrow a \parallel b$$

a _____
b _____
c _____

II. BÀI TẬP

Bài 1: Cho hình vẽ. Biết $\hat{A} = 123^\circ$, $\hat{B} = 57^\circ$ và $d \perp a$. Hỏi d có vuông góc với b không?



.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Bài 2: Cho hình vẽ sau. Hãy chứng tỏ $AD \parallel CG$.

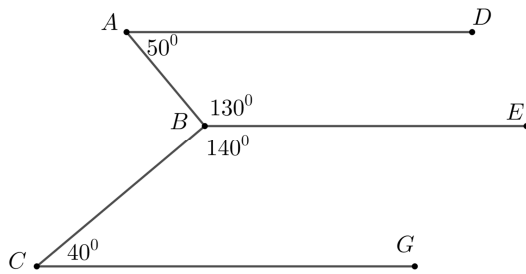
.....

.....

.....

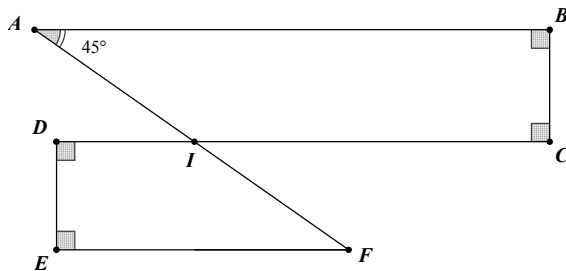
.....

.....

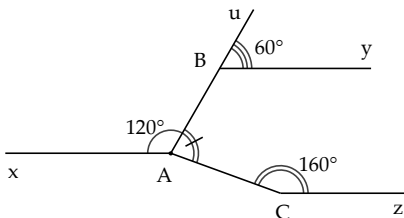


Bài 3: Em hãy giải bằng nhiều cách:

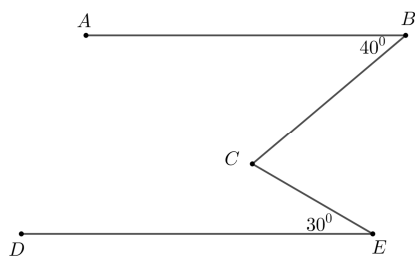
- Tính $\widehat{AIC}$
- Chứng minh $AB \parallel EF$
- Tính $\widehat{IFE}$



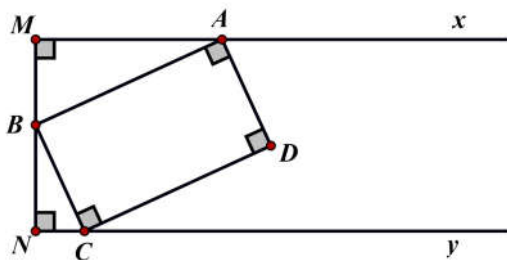
Bài 4: Cho hình vẽ bên. Biết $\widehat{BAC} = 80^\circ$. Các tia Ax, By, Cz có nằm trên các đường thẳng song song với nhau không? Vì sao?



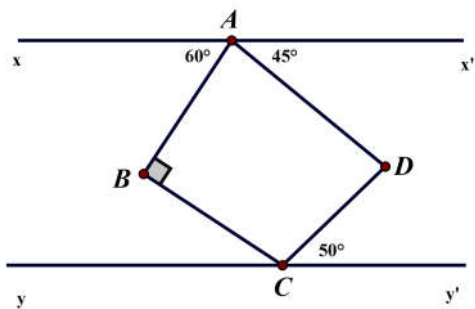
Bài 5: Cho hình vẽ sau, trong đó $AB \parallel DE$.
Tính $\widehat{BCE}$.



Bài 6: Chứng minh $\widehat{DAx} = \widehat{BCN}$ theo nhiều cách.



Bài 7: Cho các thông tin như trong hình và cho biết $xx' // yy'$. Hãy tính $\widehat{BCy}$ và $\widehat{ADC}$.



7. ĐỊNH LÍ

I. KIẾN THỨC CƠ BẢN

1. Định lí. Giả thiết và kết luận của định lí.

Một tính chất được khẳng định là đúng bằng suy luận gọi là một định lí.

Giả thiết của định lí là điều cho biết. Kết luận của định lí là điều được suy ra.

2. Chứng minh định lí.

Chứng minh định lí là dùng luận để từ giả thiết suy ra kết luận.

II. BÀI TẬP

Bài 1: Điền thêm vào chỗ trống để có định lý, sau đó gạch 1 đường dưới phần **kết luận**.

- Nếu M là trung điểm của đoạn thẳng AB thì
- Nếu Ot là tia phân giác của góc xOy thì.....
- Nếu đường thẳng c cắt hai đường thẳng a, b và trong các góc tạo thành có một cặp góc so le trong bằng nhau (hoặc một cặp góc đồng vị bằng nhau) thì
- Hai đường thẳng phân biệt cùng vuông góc với một đường thẳng thứ ba thì
- Một đường thẳng vuông góc với một trong hai đường thẳng song song thì
- Hai đường thẳng phân biệt cùng song song với một đường thẳng thứ ba thì
- Nếu một đường thẳng cắt hai đường thẳng song song thì:

-
-
-
-
-

Dùng ngôn ngữ ký hiệu toán học để diễn tả các định lý a, b, d, e, f ở câu trên.

.....

.....

.....

.....

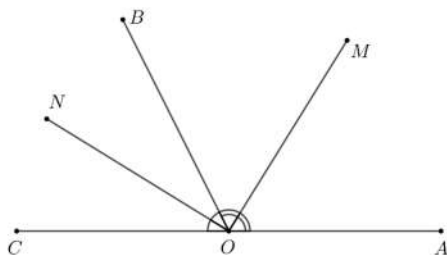
.....

.....

Bài 2: Cho định lý: “Hai tia phân giác của hai góc kề bù tạo thành một góc vuông” (xem hình bên)

a) Ghi giả thiết, kết luận của định lý.

b) Chứng minh định lý trên.



.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

ĐỀ KIỂM TRA CHƯƠNG I

Phần 1: Trắc nghiệm**Câu 1:** Hai đường thẳng m và n vuông góc với nhau thì tạo thành

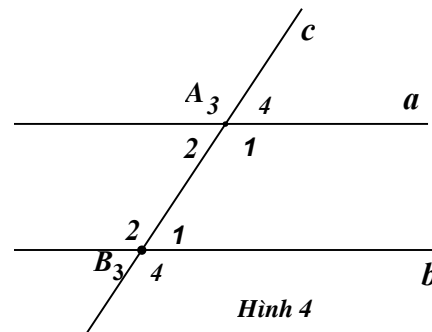
- A. một góc vuông. B. hai góc vuông. C. ba góc vuông. D. bốn góc vuông

Câu 2: Cho ba đường thẳng a, b, c . Câu nào sau đây **sai**

- A. Nếu $a \parallel b, b \parallel c$ thì $a \parallel c$. B. Nếu $a \perp b, b \parallel c$ thì $a \perp c$.
C. Nếu $a \perp b, b \perp c$ thì $a \perp c$ D. Nếu $a \perp b, b \perp c$ thì $a \parallel c$.

Câu 3: Xem hình 4 và cho biết khẳng định nào chứng tỏ $a \parallel b$:

- A. $\widehat{A}_4 = \widehat{B}_3$; B. $\widehat{A}_1 + \widehat{B}_3 = 180^\circ$;
C. $\widehat{A}_3 = \widehat{B}_2$ D. Tất cả đều đúng.

**Câu 4:** Nếu có hai đường thẳng

- A. cắt nhau thì vuông góc nhau.
B. vuông góc với nhau thì cắt nhau.
C. cắt nhau thì tạo thành 4 góc bằng nhau.
D. cắt nhau thì tạo thành 4 cặp góc đối đỉnh.

Câu 5: Cho điểm O nằm ngoài đường thẳng d .

- A. Có vô số đường thẳng đi qua điểm O và song song với đường thẳng d .
B. Có duy nhất một đường thẳng song song với đường thẳng d .
C. Có ít nhất một đường thẳng đi qua O và song song với đường thẳng d .
D. Có một và chỉ một đường thẳng đi qua O và song song với đường thẳng d .

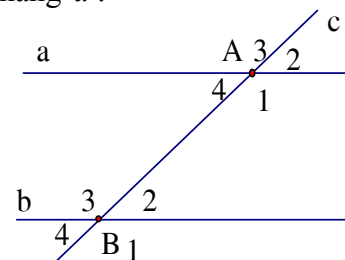
Câu 6:

- A. Hai góc có chung đỉnh và bằng nhau thì đối đỉnh.
B. Hai góc không đối đỉnh thì không bằng nhau.
C. Hai góc bằng nhau thì đối đỉnh.
D. Hai góc đối đỉnh thì bằng nhau.

Câu 7: Hình bên cho biết $a \parallel b$ và c cắt a tại A, cắt b tại B.

Hãy điền vào chỗ trống (.....) trong các câu sau:

- a) $\widehat{A}_1 = \dots\dots\dots$ (vì là cặp góc sole trong)
b) $\widehat{A}_2 = \dots\dots\dots$ (vì là cặp góc đồng vị)
c) $\widehat{B}_3 + \widehat{A}_4 = 180^\circ$ (vì)
d) $\widehat{B}_1 = \widehat{A}_1$ (vì)

**Phần 2: Tự luận****Câu 1:** Trong hình bên, biết $a \parallel b, \widehat{D}_1 = 55^\circ$

- a) Chứng minh $c \perp b$
b) Tính số đo của góc C_2 .

.....

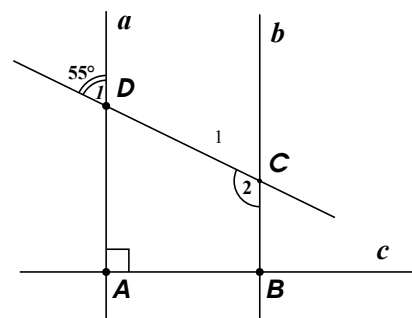
.....

.....

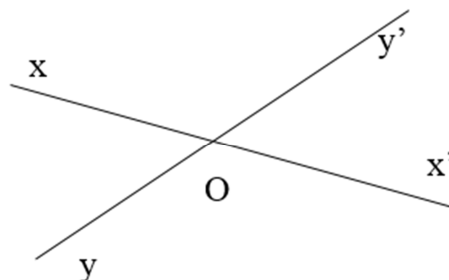
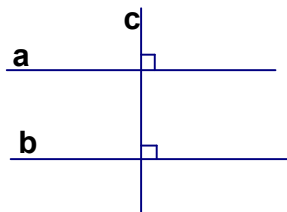
.....

.....

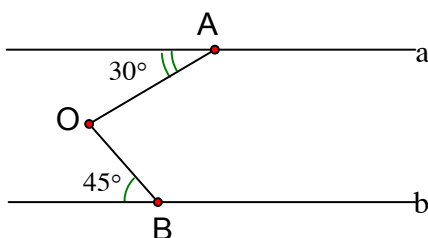
.....



Ghi giả thiết và kết luận của định lí minh họa bởi các hình vẽ sau:



Tính số đo của góc AOB .

[illegible]

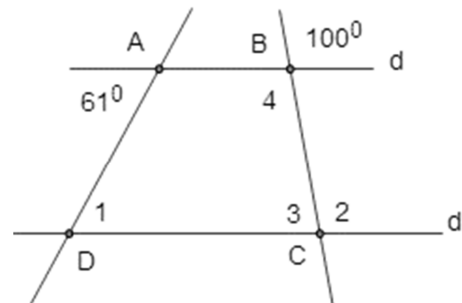
Bài 1: Vẽ hình theo trình tự sau:

- Bài 2:** (2 điểm) Cho đoạn thẳng $AB = 3cm$.

- Bài 3:** (3 điểm) Cho hình vẽ bên.

Biết $d \parallel d'$ và hai góc 61° và 100° .

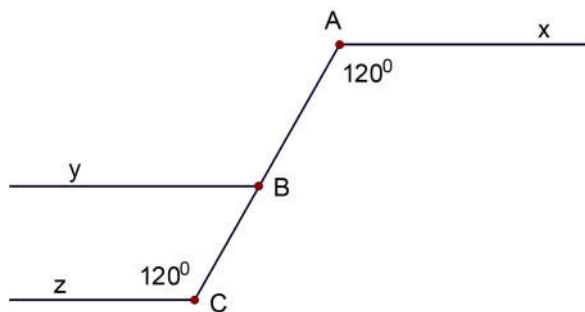
Tính các góc $D_1; C_2; C_3; B_4$



Bài 4: (3,5 điểm) Cho hình vẽ bên.

Biết $Ax // By$, $\widehat{xAB} = 120^\circ$, $\widehat{BCz} = 120^\circ$.

- a) Tính số đo $\widehat{AB\gamma}$?
b) Các cặp đường thẳng nào song song với nhau ? vì sao ?



Mục lục

①. HAI GÓC ĐỐI ĐỈNH.....	2
②. HAI GÓC ĐỐI ĐỈNH.....	4
③. CÁC GÓC TẠO BỞI MỘT ĐƯỜNG THẲNG CẮT HAI ĐƯỜNG THẲNG.....	7
④. HAI ĐƯỜNG THẲNG SONG SONG.....	10
⑤. TIÊN ĐỀ ƠCLIT VỀ ĐƯỜNG THẲNG SONG SONG.....	13
⑥. TỪ VUÔNG GÓC TỚI SONG SONG.....	15
⑦. ĐỊNH LÝ.....	18
ĐỀ KIỂM TRA CHƯƠNG I.....	19
ĐỀ KIỂM TRA CHƯƠNG I.....	21